

Số: /KH-SYT

Bắc Giang, ngày tháng năm 2019

KẾ HOẠCH
Công tác y tế tỉnh Bắc Giang 5 năm, giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Công văn số 156-CV/BCS ngày 25/10/2019 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh Bắc Giang về việc chuẩn bị nội dung phục vụ xây dựng văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Sở Y tế báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch công tác y tế 5 năm, giai đoạn 2016 - 2020 và đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển công tác y tế tỉnh Bắc Giang 5 năm, giai đoạn 2021 - 2025 với những nội dung sau:

Phần I

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CÔNG TÁC Y TẾ
5 NĂM, GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

**I. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU TRONG CÔNG TÁC Y TẾ GIAI
ĐOẠN 2016 - 2020**

1. Công tác quản lý, điều hành

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2019; Sở Y tế đã tích cực tham mưu với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh một số vấn đề trọng tâm trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Kế hoạch số 45/KH-TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017, Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và thực hiện Kế hoạch số 45/KH-TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ BHYT trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Chỉ thị 02/CT-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của liên bộ: Bộ Y tế - Bộ Tài chính;

- Kế hoạch số 949/KH-UBND ngày 13/4/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Kết luận số 118-KL/TW ngày 04/01/2016 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 46-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Kế hoạch số 1329/KH-UBND ngày 18/5/2016 của UBND tỉnh về thực hiện kết luận số 119-KL/TW của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình;

- Quyết định số 296/2016/QĐ-UBND ngày 25/5/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang theo Thông tư liên tịch 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ;

- Kế hoạch số 1429/KH-UBND ngày 26/05/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016 - 2020;

- Kế hoạch số 1322/KH-UBND ngày 26/4/2017 của UBND tỉnh về lập hồ sơ, khám, quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Kế hoạch số 1656/KH-UBND ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh thực hiện Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

- Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án đảm bảo kinh phí mua thẻ BHYT cho người nhiễm HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Kế hoạch số 3571/KH-UBND ngày 17/10/2017 của UBND tỉnh thực hiện Đề án "Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ dân số - KHHGĐ cho vị thành niên/ thanh niên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2020";

- Kế hoạch số 3746/KH-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh thực hiện Đề án XHH cung cấp phương tiện tránh thai và dịch vụ KHHGĐ/SKSS trên địa bàn tỉnh BG giai đoạn 2017 - 2020;

- Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Quy định phân cấp và trách nhiệm quản lý nhà nước về hành nghề y, dược tư nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh về Phát triển giường bệnh của các cơ sở y tế tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Quy định phân cấp và trách nhiệm về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Đồng thời, Sở Y tế ban hành nhiều văn bản kịp thời, phù hợp với tình hình thực tiễn để chỉ đạo các đơn vị trong ngành thực hiện nhiệm vụ.

2. **Củng cố tổ chức và phát triển hệ thống y tế**

Thực hiện Thông tư liên tịch 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ và Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 27/6/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Nghị Quyết Trung ương 6 (Khoá XII) “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”;

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2019, hệ thống y tế công lập tỉnh Bắc Giang đã đổi mới, sắp xếp thu gọn đầu mối nhằm tăng cường nguồn lực, cụ thể:

- *Tuyển tỉnh:*

+ Thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh trên cơ sở sáp nhập 06 đơn vị: Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh, Trung tâm Chăm sóc sức khỏe tỉnh, Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS, Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe, Trung tâm Mắt và một phần Trung tâm Phòng chống Sốt rét - Nội tiết.

+ Thành lập mới 02 bệnh viện: Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện Nội tiết.

+ Sáp nhập Trung tâm Pháp Y, Trung tâm Giám định Y khoa vào Bệnh viện Đa khoa tỉnh.

+ Triển khai tiếp nhận bàn giao nguyên trạng về biên chế, viên chức, cơ sở vật chất, trang thiết bị của Trung tâm Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh vào BVĐK tỉnh theo Quyết định 337/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh.

- *Tuyển huyện:*

+ Giải thể BVĐK thành phố Bắc Giang.

+ Thành lập trung tâm y tế huyện, thành phố đa chức năng trên cơ sở tổ chức lại 03 đơn vị tuyển huyện: BVĐK, trung tâm y tế và trung tâm dân số huyện, thành phố.

Sau khi sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp, ngành y tế đã giảm 15 đơn vị trực thuộc (từ 38 đơn vị giảm xuống còn 23 đơn vị).

Các bệnh viện tuyển tỉnh và các bệnh viện/trung tâm y tế tuyển huyện tiếp tục kiện toàn, phát triển các khoa phòng phù hợp chức năng nhiệm vụ và theo hướng chuyên sâu như: BVĐK tỉnh thành lập đơn vị can thiệp tim mạch, Khoa ngoại lồng ngực - chỉnh hình - bỏng, Khoa Phụ sản, Phòng Công tác xã hội, Phòng Công nghệ thông tin và Đơn vị quản lý điều trị ngoại trú một số bệnh về máu; Bệnh viện Sản Nhi thành lập Khoa ngoại, Khoa Giải phẫu bệnh và Khoa Xét nghiệm trên cơ sở tách Khoa Xét nghiệm tổng hợp; các trung tâm y tế tuyển huyện thành lập một số khoa, phòng chuyên khoa.

- *Tuyển xã:*

+ Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch 545/KH-UBND ngày 04/4/2012 của UBND tỉnh về thực hiện tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020.

Ước tính đến hết năm 2020, tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2020 trong toàn tỉnh là 100% (đạt 100% mục tiêu KH 2016 - 2020).

+ Sắp xếp lại hệ thống y tế thôn, bản theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, các cơ sở y tế ngoài công lập cũng phát triển nhanh về số lượng và quy mô, tính đến tháng 11/2019, toàn tỉnh có 418 cơ sở y, YHCT ngoài công lập (*trong đó có 05 bệnh viện tư nhân đang hoạt động với tổng số 461 giường bệnh*); có 1.313 cơ sở kinh doanh thuốc.

3. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực y tế

Thực hiện Nghị quyết số 35/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh về hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế giai đoạn 2016-2020; mỗi năm, ngành y tế cử cán bộ y tế đào tạo sau đại học từ 30-50 người; đào tạo đại học, cử nhân 50-60 người; đào tạo kỹ thuật mới 15-30 người; các bệnh viện tuyển tỉnh cử 15-20 lượt cán bộ luân phiên về các bệnh viện tuyển huyện để đào tạo và chuyển giao kỹ thuật.

Trong những năm qua, đội ngũ cán bộ y tế tỉnh Bắc Giang đã được tăng cường về số lượng và trình độ chuyên môn. So sánh một số chỉ tiêu từ đầu giai đoạn (năm 2015) đến năm 2020 như sau: Số bác sĩ/10.000 dân tăng từ 7,9 lên 9,7, vượt KH 2016 - 2020 (9 bác sĩ/10.000 dân); số dược sĩ đại học/10.000 dân tăng từ 0,67 (năm 2015) lên 1,1 (năm 2020), không đạt KH 2016 - 2020 (1,5 dược sĩ đại học/10.000 dân); Tỷ lệ trạm y tế có bác sĩ làm việc (cố định hoặc luân phiên) tăng từ 96,5% (năm 2015) lên 100% (năm 2020), đạt mục tiêu KH 2016 - 2020. Duy trì 100% số trạm y tế xã có y sĩ sản nhi hoặc nữ hộ sinh.

4. Các hoạt động chuyên môn y tế và dân số - KHHGĐ

4.1. Truyền thông giáo dục sức khỏe:

Các hoạt động truyền thông về công tác y tế được các đơn vị trong ngành chủ động truyền thông trên Website của đơn vị, qua mạng internet, truyền thông trực tiếp hoặc thông qua các hội thi của ngành y tế như: Hội thi tuyên truyền “Đổi mới phong cách thái độ phục vụ của nhân viên y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh” gắn với xây dựng cơ sở y tế “Xanh - Sạch - Đẹp”. Đồng thời phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng (Đài phát thanh - truyền hình tỉnh, huyện, Đài truyền thanh xã, Báo Bắc Giang) nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ và tranh thủ sự vào cuộc của các cấp ủy đảng, chính quyền, dư luận xã hội và nhân dân trong thực hiện các chính sách về y tế như: Chính sách bảo hiểm y tế, giá dịch vụ y tế, lợi ích của việc tiêm chủng phòng bệnh, chính sách dân số; quảng bá những thành công của ngành y tế; phản ánh khách quan các sự cố y khoa; cùng với truyền thông phổ biến, nâng cao kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho mọi người nhằm thay đổi hành vi và chủ động thực hành bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe của mỗi cá nhân và cộng đồng.

4.2. Y tế dự phòng:

Trong giai đoạn 2016 - 2020, ngành y tế tiếp tục chủ động trong phòng chống dịch bệnh, ngăn chặn và khống chế kịp thời dịch bệnh, không để dịch bệnh lây lan rộng và không có dịch bệnh lớn xảy ra. Tổ chức triển khai phần mềm hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia từ ngày 01/6/2017. Hầu hết các chỉ tiêu liên quan đến y tế dự phòng đều đạt được mục tiêu KH 2016 - 2020.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) giảm từ 14,8% (năm 2015) xuống còn 12% (năm 2020), đạt mục tiêu KH 2016 - 2020.

Tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ hàng năm luôn đạt trên 96% (cao hơn mức trung bình của cả nước > 90%); tỷ lệ tiêm vắc xin uốn ván AT2+ cho phụ nữ có thai hàng năm luôn đạt trên 95%; tiếp tục duy trì kết quả loại trừ bệnh phong cấp tỉnh đã được công nhận năm 2000 theo tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới; duy trì kết quả thanh toán bệnh bại liệt và loại trừ uốn ván sơ sinh.

Sở Y tế đã tham mưu với UBND tỉnh ban hành Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 Quy định phân cấp và trách nhiệm về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh. Theo đó đã phân công rõ trách nhiệm, phạm vi quản lý công tác kiểm soát an toàn thực phẩm đối với các Sở: Y tế, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phân cấp cụ thể tới UBND cấp huyện và cấp xã. Đối với các đơn vị trong ngành y tế (Chi cục An toàn thực phẩm, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và trung tâm y tế huyện/thành phố) duy trì công khai số điện thoại đường nóng về ATTP, lãnh đạo các đơn vị này duy trì công khai số điện thoại để người dân phản ánh về ATTP. Hoạt động tuyên truyền và triển khai phòng, chống ngộ độc thực phẩm tại các cấp được duy trì và tăng cường trong các dịp cao điểm.

Hoạt động can thiệp dự phòng, chăm sóc, điều trị bệnh nhân HIV/AIDS được triển khai với đa dạng dịch vụ như: Dịch vụ tư vấn xét nghiệm tự nguyện tại 02 điểm cố định (ở Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế huyện Tân Yên) và các điểm tư vấn xét nghiệm lưu động ở các huyện khác, trại tạm giam và trại giam; dịch vụ chăm sóc, điều trị nhiễm trùng cơ hội, đặc biệt là điều trị bằng thuốc kháng vi rút (ARV); dịch vụ Methadone đã triển khai được 12 cơ sở (tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, 10 trung tâm y tế huyện/thành phố và Cơ sở cai nghiện ma túy thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội) với số người được điều trị thay thế nghiện bằng thuốc Methadone tính đến tháng 11/2019 là 1.190 người.

Lũy tích toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2019 phát hiện 3.345 người nhiễm HIV; số bệnh nhân AIDS tử vong là 1.313 người; số người nhiễm HIV/AIDS còn sống là 1.340 người; tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng là 0,11%.

Triển khai lập hồ sơ, khám, quản lý sức khỏe người dân tại tất cả 10 huyện/thành phố; ước tính đến năm 2019 có trên 90% người dân trên địa bàn tỉnh được lập hồ sơ, khám, quản lý sức khỏe điện tử.

4.3. Khám bệnh, chữa bệnh:

Sở Y tế ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cơ sở khám chữa bệnh nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, thực hiện các quy chế chuyên môn, quy trình kỹ

thuật; cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh và thanh toán BHYT; triển khai các giải pháp quản lý, sử dụng hiệu quả quỹ khám chữa bệnh BHYT, giảm tình trạng vượt dự toán chi khám, chữa bệnh BHYT.

Mạng lưới khám chữa bệnh ngày càng được mở rộng và phát triển cả công lập và ngoài công lập. Số giường bệnh viện/10.000 dân (bao gồm cả giường bệnh công lập và tư nhân) từ mức 20,2 (năm 2015) tăng lên 26,9 (năm 2020), vượt KH 2016 - 2020 (25 giường bệnh/10.000 dân). Trong giai đoạn 2016 - 2020, tiếp tục tranh thủ được nhiều nguồn đầu tư cho mạng lưới khám chữa bệnh, từ ngân sách của địa phương, xã hội hoá, viện trợ nước ngoài; nhờ đó các cơ sở khám chữa bệnh trong tỉnh được củng cố, nâng cấp về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế, đào tạo cán bộ.

Nhờ đó các kỹ thuật chuyên môn khám chữa bệnh ngày càng được mở rộng, phát triển tại tỉnh, chất lượng dịch vụ được nâng lên, nhiều kỹ thuật cao được triển khai ở các tuyến như: Tuyến tỉnh đã thực hiện được kỹ thuật chụp và can thiệp tim mạch, kỹ thuật tiêu sợi huyết khối, đặt stent cho bệnh nhân bị hẹp, tắc động mạch vành, nhồi máu cơ tim; phẫu thuật cắt u trung thất, phẫu thuật dịch chuyển mạch nối thông động tĩnh mạch, phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ, kỹ thuật điều trị suy tĩnh mạch bằng Laser nội mạch, vết thương mạch máu có ghép mạch, tán sỏi thận qua da đường hầm nhỏ, phẫu thuật u não, tuỷ sống tại BVĐK tỉnh; kỹ thuật nút mạch trong điều trị u xơ tử cung; duy trì phẫu thuật tim mở tại Bệnh viện Sản Nhi, kỹ thuật nội soi phế quản dưới gây mê, nội soi phế quản ống mềm, phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ, chọc hút hạch/u, tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm tại BV Ung bướu. Tuyến huyện đã thực hiện được phẫu thuật nội soi dạ dày, ruột thừa, vùng hố chậu, chạy thận nhân tạo, phẫu thuật kết hợp xương, phẫu thuật Crossen, chụp cắt lớp vi tính CT scanner. Tuyến xã thực hiện được các kỹ thuật cơ bản cho cấp cứu ban đầu và các bệnh thông thường, 100% số xã đã triển khai được siêu âm chẩn đoán.

Công tác khám chữa bệnh bằng YHCT kết hợp với y học hiện đại được quan tâm thực hiện đã phát huy tích cực trong việc điều trị các bệnh thông thường, bệnh mạn tính với chi phí thấp, vận động được nhiều người dân sử dụng một số cây, con làm thuốc chữa bệnh.

Hoạt động khám, chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách xã hội được thực hiện ở 100% các cơ sở y tế các tuyến trong tỉnh.

Bắc Giang là một trong số ít tỉnh đã triển khai hiệu quả quản lý, điều trị ngoại trú một số bệnh không lây nhiễm tại tuyến huyện và tuyến xã như: Đái tháo đường, tăng huyết áp, loét dạ dày, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản. Đến năm 2019, tổng số bệnh nhân bệnh không lây nhiễm được quản lý, điều trị ngoại trú trên địa bàn tỉnh là 93.020 người (tăng huyết áp 63.640 người; đái tháo đường 18.183 người; hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD) 3.163 người; loét thận chu kỳ 350 người; ung bướu 340 người). Đã có 190/230 trạm y tế xã/phường/thị trấn thực hiện quản lý, điều trị ngoại trú tăng huyết áp, với số

lượng bệnh nhân là 21.639 người; có 07 trạm y tế xã triển khai quản lý, điều trị ngoại trú bệnh đái tháo đường, với 95 bệnh nhân; tất cả 230 trạm y tế xã/phường/thị trấn thực hiện quản lý 7.344 bệnh nhân tâm thần phân liệt, động kinh và các rối loạn tâm thần khác.

Công tác quản lý, cải tiến chất lượng bệnh viện tiếp tục được triển khai tại các bệnh viện tuyến tỉnh, TTYT huyện và từ năm 2019 triển khai thực hành 5S tại tất cả trạm y tế xã/phường/thị trấn trên địa bàn. Tại các cơ sở khám chữa bệnh tiếp tục có chuyển biến về phong cách, thái độ tiếp đón, phục vụ người bệnh, cùng với việc xây dựng cơ sở y tế xanh - sạch - đẹp, tăng cường công tác quản lý các dịch vụ thuê ngoài và các dịch vụ phi y tế, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, tăng tỷ lệ hài lòng của người bệnh.

Công tác quản lý hành nghề y, được tiếp tục được tăng cường: Sở Y tế đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 Quy định phân cấp và trách nhiệm quản lý nhà nước về hành nghề y, được tư nhân trên địa bàn tỉnh; Sở Y tế ban hành tiêu chuẩn thiết yếu đánh giá, xếp loại A, B, C cơ sở hành nghề y, được tư nhân; từ năm 2019 triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện kết nối mạng để quản lý hoạt động kinh doanh thuốc trên địa bàn tỉnh. Các cấp tỉnh, huyện, xã đã tăng cường thanh tra, kiểm tra, trong đó gồm cả hình thức kiểm tra đột xuất việc chấp hành các quy định của pháp luật về hành nghề y, được tại các cơ sở y, được, cơ sở cung cấp dịch vụ massage, thẩm mỹ trên địa bàn; xử lý nghiêm các cơ sở hành nghề vi phạm pháp luật về hành nghề y, được.

4.4. Dân số - KHHGD và chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em:

Giai đoạn này tập trung triển khai các đề án về nâng cao chất lượng dân số như: Đề án chẩn đoán, sàng lọc trước sinh và sơ sinh; Đề án can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh; Đề án tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân; Đề án tư vấn và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi dựa vào cộng đồng. Tiếp tục phối hợp với các ngành, đoàn thể, các cơ quan truyền thông tuyên truyền chính sách dân số - KHHGD bằng nhiều hình thức đa dạng. Hàng quý, Sở Y tế duy trì thông báo tình hình cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vi phạm sinh con thứ ba trở lên tới Chủ tịch UBND các huyện/thành phố để Chủ tịch UBND các huyện/thành phố làm căn cứ xử lý, cũng như chỉ đạo, triển khai các biện pháp nhằm hạn chế đối tượng vi phạm chính sách dân số trên địa bàn. Công tác bảo đảm hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tiếp tục được duy trì theo hướng đa dạng hóa các biện pháp tránh thai và mở rộng các kênh cung ứng phương tiện tránh thai, dịch vụ sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, đẩy mạnh tiếp thị xã hội phương tiện tránh thai.

Sở Y tế tiếp tục chỉ đạo, giám sát các đơn vị y tế cơ sở duy trì thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em tại cộng đồng như: cân và chắm biểu đồ tăng trưởng cho trẻ dưới 2 tuổi 3 tháng/lần; theo dõi cân nặng hàng tháng đối với trẻ dưới 2 tuổi bị suy dinh dưỡng; lồng ghép chiến dịch cân, đo trẻ em dưới 5 tuổi với bổ sung vi chất dinh dưỡng vào ngày 1 tháng 6.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu về dân số như sau: Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên năm 2015 là 1,19%, năm 2016 là 1,15%, năm 2017 là 1,13%, năm 2018 là 1,24%, năm 2019 là 1,15%, ước năm 2020 là 1,15%; Mức giảm tỷ lệ sinh năm 2015 là 0,15‰, năm 2016 là 0,19‰, năm 2017 là 0,27‰, năm 2018 tăng 1,28‰, năm 2019 là 0,62‰, ước năm 2020 là 0,05‰; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên trong những năm qua luôn ở mức cao (> 9,5%).

Các chỉ tiêu về CSSKSS được cải thiện rõ rệt: Tỷ lệ phụ nữ sinh con được khám thai 3 lần trở lên trong 3 thai kỳ duy trì ở mức trên 98%; các chỉ số (tỷ suất chết bà mẹ liên quan đến thai sản, tỷ suất chết trẻ em dưới 1 tuổi, tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi) đều ở mức thấp hơn so với mức trung bình toàn quốc và đạt mục tiêu KH 2016 - 2020.

5. Dược, trang thiết bị và công trình y tế

Hệ thống cung ứng thuốc được củng cố và mở rộng đến 100% xã/phường/thị trấn, kể cả những xã vùng sâu, vùng xa; năm 2015 bình quân 1.990 người dân có 1 điểm bán lẻ thuốc, ước tính đến năm 2020 bình quân 1.440 người dân có 1 điểm bán lẻ thuốc.

Hàng năm, Sở Y tế tổ chức đấu thầu tập trung cấp địa phương mua thuốc, vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm chẩn đoán invitro cung ứng cho các cơ sở khám chữa bệnh công lập, đảm bảo cung ứng kịp thời, đáp ứng nhu cầu sử dụng thuốc thiết yếu, với chất lượng, giá cả thống nhất để phục vụ người bệnh; tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập, trên 95% tiền mua thuốc được mua theo kết quả đấu thầu tập trung của Sở Y tế.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, ngành y tế đã tích cực tranh thủ các nguồn lực tài chính để đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng và mua sắm trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế, với tổng số vốn được giao là 1.036.354 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn NSNN: 760.754 triệu đồng (NS địa phương: 685.229 triệu đồng, NSTW: 75.525 triệu đồng).

- Vốn ODA: 275.600 triệu đồng.

Năng lực tăng thêm đối với các đơn vị được đầu tư so với trước khi đầu tư như sau:

+ Trang thiết bị y tế: Tăng thêm gần 200 chủng loại thiết bị y tế được đưa vào phục vụ phát triển chuyên môn kỹ thuật, trong đó là một số thiết bị hiện đại, để triển khai kỹ thuật cao như: Hệ thống xạ trị, Hệ thống chụp mạch máu kỹ thuật số xóa nền DSA phục vụ can thiệp tim mạch, hệ thống chụp cộng hưởng từ 1.5 T, máy chụp CT scanner 64 dãy 128 lát cắt, máy chụp cắt lớp vi tính CT scanner cho tuyến huyện, máy siêu âm màu 4D, 3D, hệ thống xét nghiệm sinh hóa tự động, huyết học tự động, xét nghiệm miễn dịch tự động, hệ thống phẫu thuật nội soi full HD ổ bụng, các bộ dụng cụ phẫu thuật sản phụ khoa, phẫu thuật sọ não, phẫu thuật chấn thương chỉnh hình.

+ Về cơ sở hạ tầng y tế: Đã tăng thêm 35.000 m² sàn được đưa vào sử dụng, bao gồm 28.400 m² sàn xây mới, 6.600 m² sàn cải tạo, sửa chữa, cụ thể: BVĐK tỉnh: Khối điều trị nội trú (9 tầng) diện tích sàn 14.000 m², khoa kiểm soát nhiễm khuẩn (3 tầng) diện tích sàn 1.200 m², hệ thống khí y tế và các hạng mục phụ trợ; nhà Nội Thận tiết niệu; Bệnh viện Sản Nhi: Khối nhà 7 tầng diện tích sàn 7.150 m², khoa kiểm soát nhiễm khuẩn 440 m²; Bệnh viện Ung bướu diện tích sàn 10.100 m²; Bệnh viện Nội tiết diện tích sàn 8.000 m²; Trung tâm Y tế huyện Yên Dũng diện tích sàn 1.400 m²; Trung tâm Y tế huyện Việt Yên diện tích sàn 1.500 m²; Trung tâm Y tế huyện Tân Yên diện tích sàn 1.250 m²; sửa chữa khu nhà điều trị nội trú Bệnh viện Phổi; Nhà xạ trị thuộc Bệnh viện Ung bướu; cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Y học Cổ truyền vị trí mới. Xây mới cơ sở vật chất cho 15 trạm y tế thuộc các xã/thị trấn: thị trấn Thanh Sơn, các xã Lê Viên, xã An Bá (Sơn Động), các xã Đồng Cốc, Biên Sơn, Trù Hựu, Phú Nhuận (Lục Ngạn), xã Tam Tiến (Yên Thế), các xã Việt Ngọc, An Dương, Tân Trung, Liên Chung, Lan Giới, Ngọc Lý (Tân Yên), xã Đồng Phúc (Yên Dũng) bằng nguồn vốn hỗ trợ của EU.

Năm 2019 - 2020: Khởi công xây dựng khối nhà điều trị nội trú 5 tầng của Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa từ nguồn vốn vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bắc Giang; chuẩn bị khởi công xây mới khối nhà trung tâm, khối nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ của BVĐK tỉnh; khởi công Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh; 04 Dự án ĐTXD mở rộng quy mô giường bệnh của 04 đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Tân Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa và Bệnh viện PHCN.

6. Tài chính y tế

Trong giai đoạn 2016 - 2020, có một số chính sách quan trọng đã tác động đến cơ chế hoạt động của ngành y tế, đó là quy định về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, thực hiện tự chủ tài chính và xã hội hóa y tế, cụ thể:

- Đối với giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh BHYT: Các cơ sở khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập thực hiện giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh BHYT (mức giá bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương) theo các văn bản sau: Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính; Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế; Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 của Bộ Y tế Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế.

- Đối với giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ BHYT: Các cơ sở khám, chữa bệnh công lập thực hiện theo Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh Bắc Giang Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Hiện tại, Sở Y tế đang tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày

30/11/2018 và Thông tư số 14/2019/TT-BYT ngày 05/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BYT của Bộ Y tế để thay thế Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của HĐND tỉnh.

- Triển khai thực hiện tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập theo Kế hoạch, lộ trình của tỉnh triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp y tế. Đến nay, trong ngành đã có 04 đơn vị sự nghiệp được UBND tỉnh giao thực hiện tự chủ chi thường xuyên là: BVĐK tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện YHCT, Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa; các đơn vị sự nghiệp y tế còn lại thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên.

Ngày 29/5/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND Quy định về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý tổ chức, biên chế, viên chức, người lao động ở các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Triển khai Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 của UBND tỉnh ban hành một số chính sách phát triển y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang theo Nghị quyết số 93/NQ-CP của Chính phủ; Sở Y tế đã trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án xã hội hóa các dịch vụ y tế của 17/17 cơ sở khám chữa bệnh công lập để các đơn vị triển khai thực hiện.

Kết quả từ năm 2016 đến hết năm 2020, tổng số kinh phí các bệnh viện huy động để đầu tư cho dịch vụ xã hội hóa là 290 tỷ đồng (gồm: Vốn liên doanh, liên kết với nhà đầu tư 111 tỷ đồng, vốn vay ngân hàng 28 tỷ đồng, vốn từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của các đơn vị 66 tỷ đồng, vốn góp của nhân viên y tế 9 tỷ đồng, vốn khác 76 tỷ đồng). Tổng thu từ các dịch vụ xã hội hóa đạt 600 tỷ đồng, tổng chi là 440 tỷ đồng, chênh lệch thu/chi đạt 160 tỷ đồng.

(Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020 chi tiết tại Phụ lục 1, 2 đính kèm).

II. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN

- Hoạt động của hệ thống y tế thôn, bản tại nhiều địa phương đang gặp khó khăn và hiệu quả giảm sút do phần lớn người kiêm nhiệm không được đào tạo về y tế thôn bản từ khi triển khai Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của HĐND tỉnh quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

- Tổng số dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT của toàn tỉnh được giao hàng năm chưa đáp ứng nhu cầu thực tế khám, chữa bệnh ngày càng tăng của người dân trong tỉnh, số lượng các cơ sở khám, chữa bệnh tăng và mở rộng phạm vi hoạt động, tăng phát triển kỹ thuật mới, kỹ thuật cao dẫn tới tăng chi phí

khám chữa bệnh BHYT gây ra tình trạng vượt dự toán chi khám chữa bệnh BHYT. Bên cạnh đó kết quả triển khai các giải pháp nhằm hạn chế tình trạng vượt dự toán chi khám chữa bệnh BHYT của một số đơn vị chưa đạt hiệu quả đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế và quyết định đến nguồn kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên, cũng như sự phát triển của các đơn vị y tế khi thực hiện tự chủ tài chính.

- Việc kiểm soát chất lượng ATTP còn gặp nhiều khó khăn do số cơ sở thực phẩm thuộc cấp xã, phường, thị trấn quản lý đa số có quy mô nhỏ, lẻ chưa thực sự đảm bảo điều kiện ATTP theo quy định; Chính quyền nhiều xã, phường, thị trấn chưa quyết liệt trong chỉ đạo triển khai công tác quản lý nhà nước về ATTP, không kiên quyết xử lý vi phạm về ATTP theo quy định. Việc kiểm soát ATTP tại các tiệc cỗ trong cộng đồng, các bữa ăn của công nhân tại các khu công nghiệp gặp nhiều khó khăn; tiềm ẩn nhiều nguy cơ xảy ra ngộ độc thực phẩm.

- Hiệu quả công tác dân số - KHHGD chưa bền vững, các chỉ số (tỷ lệ sinh con lần 3 trở lên, tỷ số giới tính khi sinh) có xu hướng gia tăng; các dịch vụ kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, sàng lọc ung thư đường sinh sản, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi chưa được mở rộng, thiếu nguồn lực để thực hiện.

- Năng lực chuyên môn, danh mục thuốc và chất lượng phục vụ người bệnh ở y tế cơ sở, nhất là tuyến xã cải thiện chậm, bên cạnh đó là chính sách thông tuyến trong khám, chữa bệnh BHYT; vì thế nhiều người bệnh chưa thực sự yên tâm khi khám chữa bệnh tại y tế cơ sở và vượt lên tuyến trên khám, chữa bệnh hoặc dịch chuyển sang khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế ngoài công lập.

- Trong 02 năm (2018 - 2019), UBND tỉnh và Sở Nội vụ chưa tổ chức tuyển dụng viên chức chuyên môn y tế; bên cạnh đó toàn ngành đã giảm 289 cán bộ y tế (nghỉ hưu 201, thôi việc 55, chuyển công tác sang tỉnh khác 8, tinh giảm biên chế 25); trong khi nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân ngày càng tăng, các cơ sở y tế phải mở rộng quy mô giường bệnh. Vì thế, tình trạng thiếu hụt nhân lực tại các cơ sở y tế công lập ngày càng nhiều, ảnh hưởng lớn đến hoạt động khám, chữa bệnh và phát triển của mỗi đơn vị.

- Chưa có chính sách bền vững để giữ chân và thu hút những thầy thuốc có năng lực chuyên môn giỏi gắn bó làm việc lâu dài tại các cơ sở y tế công lập, nhất là ở tuyến huyện, xã.

- Việc quản lý hoạt động của cơ sở hành nghề y, dược ngoài công lập còn hạn chế như: Còn tình trạng một số ít cơ sở hành nghề chưa đúng quy định của pháp luật. Bên cạnh đó là chính quyền cấp huyện, xã một số địa phương chưa thực sự quyết liệt trong kiểm tra và xử lý vi phạm.

Phần II

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC Y TẾ 5 NĂM, GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

A. DỰ BÁO TÌNH HÌNH CÔNG TÁC Y TẾ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. THUẬN LỢI

- Công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số luôn được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương cũng như các cấp ủy Đảng, chính quyền các địa phương trong tỉnh; sự phối hợp của các Sở, ngành nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số phù hợp với điều kiện thực tiễn tại tỉnh.

- Hệ thống văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số ngày càng đầy đủ và hoàn thiện, đáp ứng kịp thời để giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn công tác y tế, chăm sóc sức khỏe và dân số.

- Điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển trong điều kiện chính trị và xã hội ổn định; các nguồn lực đầu tư cho công tác y tế ngày càng được quan tâm và tăng lên hàng năm.

- Nhận thức và sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe ngày càng được quan tâm.

- Sự thay đổi cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính trong lĩnh vực y tế như: Cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp y tế, chính sách BHYT, chính sách về xã hội hóa y tế đã tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, công tác quản lý, điều hành hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và thay đổi phong cách, thái độ phục vụ của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh.

II. KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC

- Một số cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực y tế còn thiếu và chưa đồng bộ ảnh hưởng tới sự phát triển công tác y tế như: Đến nay Chính phủ chưa ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập; chính sách BHYT còn bất cập, nhất là cơ chế giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT chưa đáp ứng nhu cầu thực tế khám, chữa bệnh của người dân; chưa có chính sách hiệu quả để thu hút cán bộ y tế có chuyên môn cao công tác lâu dài tại y tế cơ sở.

- Gánh nặng về sự thay đổi mô hình bệnh tật, bệnh không lây nhiễm ngày càng gia tăng, bên cạnh đó một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm gây dịch luôn tiềm ẩn và có thể bùng phát thành dịch. Tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng ảnh hưởng xấu đến sức khỏe cộng đồng và phát sinh bệnh tật.

- Việc kiểm soát chất lượng ATTP còn gặp nhiều khó khăn do: Trên thị trường lưu thông ngày càng nhiều sản phẩm thực phẩm không đảm bảo ATTP; đa

số cơ sở thực phẩm có quy mô nhỏ, lẻ chưa thực sự đảm bảo điều kiện ATTP theo quy định; việc kiểm soát ATTP tại các tiệc cỗ trong cộng đồng chưa hiệu quả; bên cạnh đó ý thức, trách nhiệm của cộng đồng trong việc thực hiện đảm bảo an toàn thực phẩm chưa cao, tiềm ẩn nguy cơ bệnh tật và xảy ra ngộ độc thực phẩm.

- Nguồn lực tài chính đầu tư cho các cơ sở y tế công lập của tỉnh chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng cao, đa dạng. Bên cạnh đó việc đổi mới hoạt động các đơn vị sự nghiệp y tế công lập chậm, lúng túng, chưa có mô hình, phương thức quản trị bệnh viện công phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay.

- Chưa có chính sách bền vững để giữ chân và thu hút những thầy thuốc có năng lực chuyên môn giỏi gắn bó làm việc lâu dài tại các cơ sở y tế công lập, nhất là ở tuyến huyện, xã.

III. CƠ SỞ XÁC ĐỊNH CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Tại thời điểm này do Trung ương chưa ban hành Quy hoạch phát triển hệ thống y tế cả nước giai đoạn 2021- 2030; Chiến lược bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2021- 2030; Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2021 - 2030. Vì thế, để xác định mục tiêu phát triển công tác y tế của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Sở Y tế dựa trên các căn cứ sau:

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

- Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới.

- Kế hoạch số 90/KH-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang triển khai thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017, Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CÔNG TÁC Y TẾ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, góp phần tăng tuổi thọ, bảo đảm mọi người dân Bắc Giang đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe. Tăng cường năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về y tế; nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh; củng cố hiệu quả hoạt động mạng lưới y tế cơ sở; tăng cường kiểm soát bảo đảm an toàn thực phẩm; thực hiện có hiệu quả và bền vững công tác dân số; đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư, vắc xin, sinh phẩm y tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh, phòng bệnh của nhân dân và sử dụng thuốc an toàn hợp lý; đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính y tế; đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngành y tế.

2. Một số chỉ tiêu y tế cơ bản đến năm 2025

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2020	Mục tiêu đến năm 2025
	Chỉ tiêu đầu vào			
1	Số bác sỹ/10.000 dân	bác sỹ	9,7	10,7
2	Số dược sỹ đại học/10.000 dân	DSĐH	1,1	2,8
3	Tỷ lệ trạm y tế có bác sỹ làm việc (có định hoặc luân phiên)	%	100	100
4	Tỷ lệ trạm y tế có nữ hộ sinh hoặc YSSN	%	100	100
5	Số giường bệnh/10.000 dân (<i>không tính giường bệnh TYT và PKĐKKV</i>)	giường	26,9	30,2
	<i>Bao gồm:</i>			
	- Số giường bệnh công lập/10.000 dân	giường	22,0	24,6
	- Số giường XHH trong cơ sở y tế công lập/10.000 dân	giường	2,0	2,3
	- Số giường bệnh ngoài công lập/10.000 dân	giường	2,9	3,3
	Chỉ tiêu hoạt động			
6	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	90	> 90
7	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin	%	≥ 96	> 96
	Chỉ tiêu đầu ra			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2020	Mục tiêu đến năm 2025
8	Tỷ số tử vong mẹ liên quan đến thai sản (*)	BM/100.000 trẻ đẻ sống	< 35	≤ 35
9	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi (*)	‰	< 9	≤ 13
10	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi (*)	‰	< 15	≤ 19
11	Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi (thể nhẹ cân)	%	12	10,5
12	Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi (thể nhẹ cân)	%	23,5	21,5
13	Số người mắc lao trong cộng đồng	BN/100.000 dân	105	80
14	Dân số trung bình	người	1.835.336	1.965.832
15	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	-0,05	-0,05
16	Tỷ số giới tính khi sinh	số bé trai/100 bé gái	117	115
17	Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng	%	< 0,3	< 0,2

Ghi chú: (*): Các chỉ tiêu này trong giai đoạn 2016 - 2020 được báo cáo từ các cơ sở y tế, không có số liệu điều tra tại cộng đồng. Mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025 được xây dựng trên cơ sở mục tiêu của Kế hoạch số 45-KH/TU ngày 15/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới.

(Các chỉ tiêu kế hoạch chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm).

II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quản lý nhà nước

- Tham mưu với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh về một số vấn đề trọng tâm trong công tác y tế trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Đề xuất nội dung Quy hoạch phát triển ngành y tế vào Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

+ Đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân vào dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

+ Xây dựng và trình UBND tỉnh Đề án thành lập mới Bệnh viện Lão khoa trong giai đoạn 2021- 2025.

+ Xây dựng và trình UBND tỉnh Đề án đào tạo và phát triển nguồn nhân lực y tế tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021- 2026.

+ Tham mưu UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch của tỉnh thực hiện các Đề án của Thủ tướng Chính phủ về công tác dân số: Đề án củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030; Đề án tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; Đề án củng cố hệ thống thông tin, thống kê chuyên ngành dân số; Đề án truyền thông dân số đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Chiến lược Dân số tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, tập trung vào các lĩnh vực: An toàn vệ sinh thực phẩm; hành nghề y, y học cổ truyền, hành nghề dược, kinh doanh mỹ phẩm, vắc xin, sinh phẩm; thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng.

2. Củng cố tổ chức và phát triển hệ thống y tế

- Sắp xếp, tổ chức bộ máy các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Y tế theo kế hoạch, lộ trình của tỉnh triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

- Y tế tuyến tỉnh:

+ Tiếp tục mở rộng quy mô, nâng cấp bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, thành lập một số chuyên khoa sâu, triển khai kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu.

+ Tiếp tục đầu tư để phát triển nâng hạng một số đơn vị y tế trong ngành, trọng tâm là các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh: Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Phổi, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Nội tiết.

- Y tế tuyến huyện:

Tiếp tục mở rộng quy mô giường bệnh của trung tâm y tế các huyện, thành phố để đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân; đến năm 2025, mỗi trung tâm y tế đạt từ 200 - 300 giường bệnh.

- Y tế tuyến xã:

+ Tập trung triển khai chủ trương đổi mới cơ chế và phương thức hoạt động của y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 1656/KH-UBND ngày 22/5/2017 của UBND tỉnh và Chương trình hành động số 1379/CTr-BYT ngày 19/12/2017 của Bộ Y tế về triển khai thực hiện Đề án Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế xã, phường, thị trấn, tập trung vào các nhiệm vụ chính thuộc lĩnh vực y tế dự phòng và chăm sóc

sức khỏe ban đầu: Theo dõi, tư vấn về sức khỏe; chăm sóc giảm nhẹ; phục hồi chức năng; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em; mở rộng phạm vi triển khai quản lý, điều trị ngoại trú một số bệnh không lây nhiễm; theo dõi, quản lý sức khỏe cho người dân trên địa bàn.

+ Triển khai xây dựng mô hình thí điểm trạm y tế tuyến xã hoạt động theo nguyên lý y học gia đình, phòng khám bác sĩ gia đình cùng làm nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng bệnh và khám, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn.

- Về tổ chức bộ máy làm công tác dân số:

Củng cố, nâng cao năng lực quản lý nhà nước của Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; tăng cường hiệu quả hoạt động của bộ máy làm công tác dân số trong trung tâm y tế tuyến huyện và chuyên trách dân số xã, phường, thị trấn.

3. Công tác tổ chức cán bộ và đào tạo phát triển nhân lực y tế

- Tăng cường triển khai thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý tổ chức, biên chế, viên chức, người lao động tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên theo Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh.

- Triển khai hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế theo Đề án đào tạo và phát triển nguồn nhân lực y tế tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2026 sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Tiếp tục thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Quyết định số 14/2013/QĐ-TTg ngày 20/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ để đào tạo, chuyển giao kỹ thuật nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ y tế.

- Tham mưu UBND tỉnh Kế hoạch thực hiện Đề án của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp đến năm 2030 và tổ chức thực hiện.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn y tế và dân số - KHHGD

4.1. Truyền thông giáo dục sức khỏe:

Chỉ đạo các đơn vị trong ngành y tế chủ động tổ chức truyền thông trên các phương tiện sẵn có tại đơn vị như: Website của đơn vị, truyền thông qua mạng internet, truyền thông trực tiếp; đồng thời phối hợp với các cơ quan, đoàn thể liên quan và các cơ quan truyền thông (Đài, Báo, các cơ quan thông tin đại chúng) tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện lối sống lành mạnh, rèn luyện thân thể, tập thể dục, thể thao, dinh dưỡng hợp lý; lợi ích của tiêm chủng; khám, sàng lọc phát hiện sớm bệnh, tật; nói không với ma túy; hạn chế tác hại của thuốc lá, rượu, bia, đồ uống có cồn; giữ gìn vệ sinh môi trường sống, sử dụng nước sạch, nhà tắm, nhà tiêu hợp vệ sinh; hệ lụy của tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; chính sách về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, sức khỏe tiền hôn nhân, sức khỏe sinh sản vị thành niên/thanh niên, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có

2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt. Tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách dân số gắn liền với Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Chủ động phối hợp với các cơ quan truyền thông để cung cấp thông tin về sự cố y khoa nhằm định hướng thông tin kịp thời, chính xác.

4.2. Y tế dự phòng:

- Chủ động phòng, chống dịch bệnh; phát hiện sớm, kịp thời khống chế không để dịch lớn xảy ra; ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp, đặc biệt là các dịch bệnh nguy hiểm, dịch bệnh mới. Củng cố vững chắc hệ thống tiêm chủng tại tỉnh; duy trì kết quả thanh toán bệnh phong và bại liệt; loại trừ uốn ván rốn sơ sinh; giảm số mắc và chết các bệnh truyền nhiễm. Triển khai hiệu quả các hoạt động thuộc chương trình mục tiêu y tế - dân số.

- Tập trung chỉ đạo các hoạt động dự phòng gắn với y tế cơ sở như: Chế độ dinh dưỡng hợp lý; bảo đảm an toàn thực phẩm; vận động toàn dân giữ gìn vệ sinh môi trường; không hút thuốc lá, không lạm dụng rượu bia; phòng, chống bệnh nghề nghiệp. Duy trì các chương trình bổ sung vi chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi; khám, tư vấn và xét nghiệm sàng lọc cho phụ nữ có thai, phòng các bệnh lây nhiễm từ mẹ sang con, phát hiện sớm ung thư đường sinh sản.

- Tăng cường phối hợp giữa các ngành và các địa phương trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-BYT ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Quy định phân cấp và trách nhiệm về ATTP thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh; xây dựng, phát triển các mô hình chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn và truy xuất nguồn gốc thực phẩm; tăng cường thanh tra, kiểm tra chuyên ngành và liên ngành tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh và chế biến thực phẩm.

- Thực hiện quản lý sức khỏe của người dân bằng hệ thống phần mềm quản lý sức khỏe điện tử đã lập năm 2018 - 2019. Thường xuyên cập nhật thông tin, chỉ số sức khỏe, liên thông dữ liệu khi đi khám sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để khống chế tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư và giảm tỷ lệ mắc mới. Mở rộng các dịch vụ khám, tư vấn xét nghiệm phát hiện người nhiễm HIV để giới thiệu tiếp cận sớm điều trị ARV. Mở rộng tiếp nhận người nghiện chích ma túy vào điều trị tại các cơ sở Methadone.

4.3. Khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng:

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kỹ thuật, nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh tại các tuyến; trong đó tuyên tỉnh triển khai một số kỹ thuật cao như: Xạ trị trong điều trị ung thư, kỹ thuật ECMO trong cấp cứu và hồi sức tim mạch... Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng bệnh viện, phân đấu hàng năm tất cả cơ sở khám, chữa bệnh tăng điểm chất lượng theo tiêu chí của Bộ Y tế. Từng bước triển khai thực hiện kiểm định độc lập, đánh giá chất lượng dịch vụ, phân hạng bệnh viện theo chất lượng.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh: Thực hiện thí điểm bệnh viện thông minh tại BVĐK tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi sau đó nhân rộng tại các cơ sở y tế khác; áp dụng bệnh án điện tử; khám, chữa bệnh từ xa; triển khai hệ thống PACS (hệ thống lưu trữ và truyền hình ảnh) trong chẩn đoán hình ảnh. Triển khai các quy định để liên thông kết quả xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, các thông tin, kết quả chẩn đoán, điều trị giữa các cơ sở khám, chữa bệnh và với tuyến y tế cơ sở để tiến tới theo dõi, chăm sóc liên tục người bệnh.

- Tăng cường bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ y tế. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, hành vi xâm hại đến nhân phẩm và sức khỏe thầy thuốc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ sở y tế.

- Đẩy mạnh phát triển y dược cổ truyền và kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng.

- Tăng cường công tác quản lý chất thải y tế, bảo đảm các điều kiện vệ sinh môi trường trong các cơ sở y tế, xây dựng cơ sở y tế Xanh - Sạch - Đẹp, thân thiện với môi trường theo Quyết định số 3638/QĐ-BYT ngày 15/7/2016 của Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cơ sở y tế Xanh - Sạch - Đẹp.

- Khuyến khích phát triển y tế tư nhân; thúc đẩy hợp tác công - tư trong lĩnh vực y tế, tạo môi trường bình đẳng cả về hỗ trợ, chuyển giao chuyên môn kỹ thuật giữa các cơ sở khám, chữa bệnh công lập và tư nhân; đồng thời tăng cường chấn chỉnh, xử lý nghiêm các cơ sở hành nghề y, dược hoạt động không phép hoặc hoạt động quá phạm vi cho phép.

4.4. Dân số - KHHGD và chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em:

Tiếp tục ưu tiên thực hiện các mục tiêu: Giảm tỷ lệ sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, giảm tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh và nâng cao chất lượng dân số. Mở rộng cung cấp các dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán và điều trị sớm một số bệnh, tật trước khi sinh và sơ sinh, dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân. Mở rộng các kênh tiếp thị xã hội và xã hội hóa nhằm cung ứng kịp thời, đầy đủ các phương tiện tránh thai hiện đại đến mọi đối tượng có nhu cầu; bảo đảm hậu cần và cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

Thúc đẩy các can thiệp nhằm cải thiện sức khỏe bà mẹ và trẻ em, giảm tử vong bà mẹ và trẻ sơ sinh; tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện quy trình chuyên môn để phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các trường hợp cấp cứu sản khoa và sơ sinh, trong đó chú trọng đến hoạt động quản lý sức khỏe bà mẹ, trẻ em ở tuyến y tế cơ sở và y tế tư nhân.

5. Dược, trang thiết bị y tế và công trình y tế

- Đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc thiết yếu cho nhu cầu khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả và việc thực hiện quy chế kê đơn

và bán thuốc theo đơn tại các cơ sở khám, chữa bệnh và các cơ sở kinh doanh thuốc. Tăng cường hoạt động dược lâm sàng, thông tin thuốc, theo dõi phản ứng có hại của thuốc (ADR) tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình chuẩn hóa và quản lý chất lượng thuốc: GMP, GLP, GSP, GPP. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng thuốc, mỹ phẩm lưu hành trên địa bàn, phát hiện và xử lý kịp thời thuốc, mỹ phẩm nhập lậu, thuốc giả, không rõ nguồn gốc; thanh tra, kiểm tra việc cung ứng, sử dụng vắc xin, sinh phẩm tại các cơ sở y tế trên địa bàn.

- Xây dựng Trung tâm Kiểm nghiệm của tỉnh đạt tiêu chuẩn “Thực hành tốt phòng thí nghiệm” (GLP).

- Tranh thủ các nguồn lực để đầu tư mua sắm trang thiết bị và xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất cho các đơn vị y tế các tuyến nhằm phục vụ phát triển kỹ thuật và chất lượng hoạt động chuyên môn. Giai đoạn 2021 - 2025 tập trung triển khai và hoàn thành một số dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sau:

+ Dự án khôi nhà trung tâm, khối nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ của BVĐK tỉnh.

+ Dự án Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Bắc Giang.

+ 04 Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh của 04 đơn vị: Trung tâm Y tế huyện Tân Yên, Lạng Giang, Hiệp Hòa và Bệnh viện PHCN.

+ Khởi công các Dự án đầu tư xây dựng mở rộng quy mô giường bệnh của Trung tâm Y tế các huyện: Lục Ngạn, Yên Thế, Việt Yên, Yên Dũng, Lục Nam, Sơn Động; Bệnh viện Ung bướu.

+ Xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp 22 trạm y tế xã thuộc Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á - ADB.

+ Khởi công xây dựng mới Bệnh viện Lão khoa sau khi thành lập.

+ Khởi công xây dựng mới Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

6. Tài chính y tế

- Tiếp tục mở rộng phạm vi thực hiện tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập theo Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII); Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 27/6/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Kế hoạch số 47-KH/TU ngày 30/5/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định thay thế Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15/10/2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp y tế.

- Tăng cường các giải pháp để quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm y tế tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế tối đa tình trạng vượt dự toán chi khám, chữa bệnh BHYT và tình trạng lạm dụng thẻ BHYT, sử dụng dịch vụ quá mức cần thiết trong khám, chữa bệnh.

- Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa y tế theo Quyết định số 26/2015/QĐ-UBND ngày 21/01/2015 của UBND tỉnh ban hành một số chính sách phát triển y tế theo Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 15/12/2014 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác công - tư, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế, tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, dịch vụ theo yêu cầu và đầu tư xây dựng các cơ sở dịch vụ chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật.

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tăng mức chi thường xuyên cho trạm y tế cấp xã để đảm bảo kinh phí thực hiện theo dõi, quản lý sức khỏe đến từng người dân và chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả của Quỹ hỗ trợ khám, chữa bệnh cho người nghèo; thực hiện tốt chính sách khám, chữa bệnh BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số vùng kinh tế - xã hội khó khăn.

- Tranh thủ vận động từ các nguồn viện trợ nước ngoài để hỗ trợ triển khai các chương trình, dự án phát triển y tế, dân số trên địa bàn tỉnh; đồng thời thu hút các nguồn lực đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị y tế trong lĩnh vực y tế, dân số./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT, KHTC;

Bản điện tử:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng thuộc Sở.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Từ Quốc Hiệu